

Số: 25/BC-PGDĐT

Vinh Thuận, ngày 20 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO
Tổng kết năm học 2016-2017
và nhiệm vụ trọng tâm năm học 2017-2018

Năm học 2016-2017 là năm học thứ ba tiếp tục triển khai, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, cũng là năm thứ hai quán triệt Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ huyện Vinh Thuận nhiệm kỳ 2016-2020 và nhiệm vụ phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2020.

Thực hiện Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, về ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2016-2017 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Kiên Giang; Báo cáo số 1202/BC-SGDĐT ngày 02 tháng 08 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang, về báo cáo tổng kết năm học 2015-2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2016-2017.

Trong những điều kiện thuận lợi và khó khăn, Phòng giáo dục và đào tạo huyện Vinh Thuận lãnh đạo toàn ngành hoàn thành tốt nhiệm vụ học kỳ I năm học 2016-2017 đạt được những kết quả đáng khích lệ trên nhiều mặt công tác. Những kết quả đạt được đã khẳng định tinh thần quyết tâm, nỗ lực phấn đấu của cán bộ, giáo viên và học sinh toàn ngành, góp phần chuyển biến cơ bản về quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Trên cơ sở tổng hợp và phân tích tình hình thực tiễn, báo cáo trình bày kết quả thực hiện năm học 2016-2017 và nhiệm vụ trọng tâm năm học 2016-2017 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM NĂM HỌC 2016-2017

I. Khái quát chung Giáo dục và Đào tạo

II. Kết quả cụ thể

1. Công tác quản lý Giáo dục và Đào tạo

Trên cơ sở quán triệt Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện của Huyện ủy, UBND huyện về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tích cực triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2016-2017 gắn với Chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2020, định hướng đến 2030, nhất là Nghị quyết Đại

hội đảng bộ huyện lần thứ XI, trong đó chú trọng về phát triển mạng lưới trường, lớp tiếp tục được sắp xếp theo quy hoạch và phát triển đều khắp, tạo điều kiện thuận lợi để huy động tối đa số trẻ và học sinh trong độ tuổi đến trường. Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch hệ thống mạng lưới trường lớp học, kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2020 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế và xã hội của địa phương từng giai đoạn, khắc phục sự chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các địa phương, đơn vị. Trong thực hiện nhiệm vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tích cực tham mưu UBND huyện cho thực hiện chủ trương lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất gắn với việc xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường được kiểm định đánh giá ngoài, trường học “xanh sạch đẹp và an toàn” góp phần thực hiện tốt mục tiêu xây dựng nông thôn mới của địa phương, nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo.

Bước vào năm học mới Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu với Ban tuyên giáo Huyện ủy tổ chức cho cán bộ, viên chức và người lao động tham gia học Nghị quyết, phổ biến các văn bản pháp luật cho công chức, viên chức và người lao động qua 8 lớp chính trị hè, có 1137 cán bộ quản lý và giáo viên dự, tỉ lệ 100%.

Triển khai, thực hiện phân cấp quản lý Nhà nước về giáo dục theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Phòng đã tăng cường phân cấp và giao quyền tự chủ cho Thủ trưởng các đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển nhà trường; thực hiện quy chế công khai tài chính, công khai dự toán, quyết toán, các khoản nhân dân đóng góp, mức thu học phí, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc đối tượng chính sách xã hội theo đúng quy định. Kết quả các đơn vị thực hiện đã có chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả công việc cụ thể như: Mỗi đơn vị đều có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động, tiết kiệm chi đồng thời hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trên mọi lĩnh vực; nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan và tăng cường sự giám sát của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng biên chế, kinh phí hoạt động để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Triển khai, thực hiện tốt hoạt động thanh tra chuyên ngành được duyệt, kiểm tra nội bộ, thanh tra chuyên đề, kiểm tra việc quản lý và dự giờ giáo viên các đơn vị trường tiểu học về triển khai và thực hiện chương trình công nghệ giáo dục, triển khai thực hiện mô hình trường học mới; đối với cấp THCS kiểm tra quản lý và dự giờ giáo viên việc vận dụng các ưu điểm của mô hình trường học mới vào giảng dạy; tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Qua đó, kịp thời ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những sai phạm trong công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục về quy định tuyển sinh, chuyển trường và các khoản thu, chi trong năm học. Tuy nhiên, trong học kỳ một thanh tra chuyên ngành chưa đạt theo kế hoạch được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Năm học tiếp tục duy trì hệ thống thư điện tử và trang tin điện tử; Có 08/08 đơn vị xã, thị trấn sử dụng hệ thống thông tin phổ cập giáo dục – chống mù chữ; 33/33 đơn vị sử dụng phần mềm quản lý học sinh smas 3.0 và đưa vào khai thác có hiệu quả. 11/15 trường tiểu học; 01/4 trường TH&THCS. Sử dụng dữ liệu trong

phần mềm smas 3.0 để chuyển sang phần mềm Hệ thống thông tin quản lý giáo dục (Emis).

Tiếp tục triển khai 33/33 đơn vị trực thuộc và Phòng Giáo dục và Đào tạo có trang tin điện tử đưa vào hoạt động có hiệu quả. Địa chỉ trang tin của phòng là: <http://www.vinhthuan.edu.vn> các trường thông tin 02 chiều với Phòng Giáo dục và Đào tạo bằng email với tên miền vinhthuan.edu.vn và phần mềm quản lý công văn tại địa chỉ <http://vinhthuan.edu.vn/congvan/home.php>.

Có 100% (1.137) cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng email nội bộ với tên miền vinhthuan.edu.vn để trao đổi công việc như báo cáo, sinh hoạt chuyên môn qua mạng, trao đổi tài liệu thông tin trực tuyến.

Phối hợp với Viettel Kiên Giang tập huấn sử dụng phần mềm quản lý học sinh Smas 3.0; Kiểm tra hồ sơ quản lý phòng máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin trong trường học.

Phát động cuộc thi giải toán qua mạng, giải tiếng Anh qua mạng, thi hùng biện tiếng Anh; thi soạn bài giảng điện tử.

Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động tham mưu, đề xuất với các cấp ủy đảng, chính quyền, phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội để xây dựng môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp trong và ngoài nhà trường, xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực gây bức xúc trong nhân dân; phối hợp các ngành đảm bảo an ninh, trật tự trường học; phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh, Các đơn vị trường học đã chủ động phối hợp với Trạm Y tế các xã, thị trấn để khám sức khỏe định kỳ cho học sinh. Kết quả trong học kỳ I, không có học sinh nào bị kỉ luật buộc phải thôi học.

2. Tổ chức các hoạt động giáo dục

2.1. Nhiệm vụ chung các cấp học

Triển khai có hiệu quả các cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, kết quả trong học kỳ I năm học có nhiều tấm gương điển hình thể hiện qua phong trào các hội thi, góp phần nâng cao chất lượng toàn ngành vượt chỉ tiêu đề ra; phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” đã biến thành thành hoạt động thường xuyên của ngành, được nhà trường và giáo viên triển khai thực hiện qua từng hoạt động, từng tiết dạy.

Tiếp tục triển khai, thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về “phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, tăng cường phân luồng sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn”. Thường xuyên cập nhật hồ sơ vào phần mềm, đối chiếu thực trạng và kết quả đạt được hàng năm, cùng với nhiệm vụ, mục tiêu ngành, đến nay hoàn thành hồ sơ huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Tỉ lệ người mù chữ trong độ tuổi 15 đến 35 tuổi hàng năm giảm. Tỉ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS đạt chuẩn ngày càng tăng và vững chắc.

Để đáp ứng việc triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, Phòng Giáo dục và Đào tạo rà soát và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đội ngũ cán bộ quản lý, luân chuyển giáo viên cho phù hợp với điều kiện từng cán bộ quản lý, giáo viên; rà soát, bổ sung kịp thời hiện trạng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy của giáo viên nhất là công nghệ thông tin ứng dụng trong quản lý và giảng dạy; cử giáo viên cốt cán có nhiều kinh nghiệm và thành tích trong giảng dạy tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do các cấp tổ chức và tổ chức triển khai đại trà cho giáo viên, nhất là các chủ đề bồi dưỡng thường xuyên, kiểm tra đánh giá; chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhất là vận dụng những ưu điểm của mô hình trường học mới.

Trong giảng dạy quan tâm các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới nội dung, phương thức đánh giá học sinh phù hợp với các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học

Triển khai thực hiện kịp thời và đầy đủ các chế độ, chính sách ưu đãi đối với học sinh thuộc diện chính sách xã hội, học sinh dân tộc thiểu số; quan tâm tạo cơ hội học tập cho học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhiều suất học bổng, phần quà trị giá 209 triệu đồng và phối hợp với bảo hiểm xã hội hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn ba cấp học tổng số 847.070.000 đồng và 13 suất theo Nghị định 116/NĐ-CP, tổng số 1.755 kg gạo.

Kết quả công tác thông tin, truyền thông các chủ trương, giải pháp trong quản lý và đổi mới giáo dục. Đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

2.2. Giáo dục mầm non

Toàn huyện có 8 trường mẫu giáo trên 8 xã, thị trấn. Đảm bảo mỗi xã, thị trấn đều có trường mẫu giáo; huy động 75 lớp/2185 cháu, tăng 6 lớp, tăng 345 cháu so cùng kỳ, trong đó 5 tuổi 1510 cháu, đạt 121% so kế hoạch; huy động 5 tuổi trong địa bàn 1300/1326 cháu đến trường, tỉ lệ 98,3%; có 8/8 trường có tổ chức dạy 2 buổi trên ngày, có 1665 cháu học 2 buổi, tỉ lệ 99,6%, tăng 15,82%.

Cử 4 cán bộ quản lý và giáo viên tập huấn phương pháp dạy học các môn học tạo hình bằng vật liệu mở, phối hợp với phụ huynh giáo dục trẻ trong gia đình, giảng dạy Tiếng Anh giáo dục mầm non. Cử 16 cán bộ giáo viên dự các lớp bồi dưỡng thường xuyên do Sở Giáo dục tổ chức, tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và bồi dưỡng thường xuyên cho 93 cán bộ quản lý, giáo viên mầm non.

Tổ chức hội thi an toàn giao thông cho các cháu, tổng số có 8 trường/8 đội dự thi, kết quả có 5 đội đạt giải (1 nhất, 1 nhì, 1 ba và 2 khuyến khích); chọn 1 đội dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt giải khuyến khích.

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc đúng chương trình của Bộ giáo dục nhất giáo dục chương trình mầm non mới, quan tâm chăm sóc và giáo dục trẻ và cháu mẫu giáo. Phối hợp với trạm Y tế xã, thị trấn khám sức khỏe định kỳ cho các cháu.

Phòng Giáo dục đã tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 19/01/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang về thực hiện Đề án phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi. Kiện toàn Ban chỉ đạo các xã, thị trấn; chủ động phối hợp với các trường tiểu học và THCS để phúc tra, cập nhật vào phần mềm, hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận 8/8 xã thị trấn và huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi tỉ lệ như sau: Trẻ 5 tuổi đến trường 1293 cháu, tỉ lệ 98,18%; trẻ học hai buổi trên ngày 1286 cháu, tỉ lệ 99,46%; số trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non mới 1184 cháu, tỉ lệ 94,57%.

Hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận 3 trường đạt chuẩn quốc gia: Mẫu giáo Thị Trấn, Mẫu giáo Vĩnh Bình Bắc, Mẫu giáo Bình Minh (trường Mẫu giáo Thị Trấn công nhận lại), nâng tổng số trường mẫu giáo đạt chuẩn quốc gia lên 5/8 trường, tỉ lệ 62,5%.

Hoàn thành hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài 2 trường, được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài 1 trường, nâng tổng số trường được đánh giá ngoài lên 4/8 trường, tỉ lệ 50%.

2.3. Giáo dục tiểu học

2.3.1. Phát triển quy mô số lượng

Huy động 388 lớp trên 8299 em đến trường, đạt 99,5% so kế hoạch, bình quân 21,6 em trên lớp; huy động 6 tuổi vào lớp 1 tổng số 1773/1481 em so kế hoạch, tỉ lệ 119,72%, so cùng kỳ giảm 12 lớp, giảm 364 học sinh. So đầu năm học giảm 23 em tỉ lệ 0,27%, giảm so cùng kỳ 0,02%.

2.3.2. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Triển khai giảng dạy đúng nội dung chương trình các môn học theo quy định của Bộ giáo dục; tiếp tục triển khai dạy học có tích hợp nội dung, giảm tải chương trình theo quy định ở các môn học đúng khung kế hoạch thời gian năm học của Sở giáo dục.

Cử 9 cán bộ giáo viên dự tập huấn chuyên môn nghiệp vụ hè 3 chuyên đề: Bồi dưỡng tâm lý và quản lý trường phổ thông: Quản lý và hoạt động trải nghiệm: Bồi dưỡng năng lực tự bồi dưỡng và quản lý. Tổ chức tập huấn trường học kết nối và phần mềm quản lý dữ liệu trường tiểu học cho 38 cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm. Tổ chức tập huấn môn Tiếng Việt 1 công nghệ giáo dục cho giáo viên mới dạy lớp 1, tập huấn chuyên môn giáo viên mới dạy học theo mô hình trường học mới; Cử 15 cán bộ giáo viên dự tập huấn bồi dưỡng thường xuyên cấp tỉnh; cử 22 cán bộ giáo viên tham gia tập huấn Thông tư 22/2016/TT-BGD&ĐT về đánh giá học sinh tiểu học, tổ chức tập huấn cấp huyện 5 lớp/150 cán bộ, giáo viên cốt cán của 19 trường có khối tiểu học.

Tổ chức Hội thi tìm hiểu Luật an toàn giao thông cấp huyện, có 16 đội/19 trường dự thi (riêng 3 trường TH&THCS dự thi đội THCS); kết quả đạt 7 giải (1 nhất, 1 nhì, 1 ba và 4 khuyến khích); chọn một 1 đội dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt giải Ba.

Chỉ đạo các đơn vị tham gia chương trình SEQAP báo cáo tổng kết sau 5 năm thực hiện. Chỉ đạo tổ chức dạy các kỹ năng chuẩn bị vào lớp 1 và dạy tuần không môn Tiếng Việt - công nghệ giáo dục từ ngày 08/8/2016 đến ngày 19/9/2016.

Hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận mới và công nhận lại 4 đơn vị trường chuẩn đạt chuẩn quốc gia: Tiểu học Vĩnh Bình Nam 4, Tiểu học Vĩnh Bình Bắc 1, tiểu học Vĩnh Bình Bắc 2, tiểu học Vĩnh Phong 1 (trong đó công nhận mới 1 trường tiểu học Vĩnh Bình Bắc 1), nâng tổng số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia trong toàn huyện lên 15/15 trường (tăng so cùng kỳ 1 trường), tỉ lệ 80%.

Hoàn thành công tác tự đánh giá 15/15 trường tiểu học, tiếp tục bổ sung hoàn thành các chỉ số, tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định để tăng cấp độ đạt được; đề nghị được Sở giáo dục đánh giá ngoài trường Tiểu học Vĩnh Bình Bắc 4 đạt cấp độ 3, nâng tổng số trường được đánh giá ngoài 5/15 trường, tỉ lệ 33,3%, tăng so cùng kỳ 1 trường.

Thành lập đoàn kiểm tra tư vấn dạy học Tiếng Việt lớp 1 chương trình Công nghệ giáo dục, mô hình trường học mới, dạy học hai buổi trên ngày, đã kiểm tra 9/19 trường tiểu học.

Tổ chức dạy học 2 buổi trên ngày Có 17/19 trường tổ chức học 2 buổi/ngày, 190 lớp, 3433 học sinh học 2 buổi/ngày; tỉ lệ 40,7.% (3433/8433). Tổ chức dạy học mô hình trường học mới 190 lớp, 4476 học sinh tỉ lệ 69,57% (4476/6973) So với cùng kỳ số học sinh học 2 buổi/ngày 2657/8835) tỉ lệ 30.28% tăng 2,37%. Có 79 lớp, 2080 em học hơn 5 buổi/tuần; tỉ lệ 23.66 % (2080/8793). So cùng kỳ tăng 2.88%.

Triển khai dạy học mô hình trường học mới 16/19 trường, tỉ lệ 84,21 %, dạy học từ khối lớp 2 đến khối lớp 4, có 199 lớp/5475 em.

Tổ chức dạy Tiếng Anh 157 lớp, học sinh 3869, trong đó dạy Tiếng Anh 4 tiết / tuần gồm 65 lớp với 1673 học sinh tỉ lệ 43,24% (1673/3869).

Dạy học Tiếng Việt lớp 1 theo tài liệu Công nghệ giáo dục có 19/19 trường tham gia giảng dạy, tổng số 86 lớp/1916 1786 93.2 130 6.8 học sinh, kết quả cuối năm học xếp loại hoàn thành 1786, tỉ lệ 93.2%; chưa hoàn thành, 130 tỉ lệ 6.8%.

Kết quả rèn luyện của 8299 em như sau:

- Hoàn thành chương trình lớp học 8186/8299 em, tỉ lệ 98,6%; tăng so cùng kỳ 0,1%.

- Chưa hoàn thành lớp học 113/8299 em, tỉ lệ 1,4%; giảm so cùng kỳ 1,14%.

- Khen thưởng 3527/8299 em, tỉ lệ 42,5%; tăng so cùng kỳ 1,3%.

- Năng lực: Đạt 8247/8299 em, tỉ lệ 99,4%; tăng so cùng kỳ 0,36%; Chưa đạt 52/8299 em, tỉ lệ 0,6%, giảm so cùng kỳ 0,42%.

- Phẩm chất: Đạt 8272/8299 em, tỉ lệ 99,7%; giảm so cùng kỳ 0,14%; Chưa đạt 25/8299 em, tỉ lệ 0,16%, tăng so cùng kỳ 0,01%.

Xét hoàn thành chương trình tiểu học 1654/1659 em ở 19 trường có khối học sinh lớp 5, tỉ lệ 99,7%; so cùng kỳ giảm 2,2%.

Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi: Các xã, thị trấn duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 03, tổng số 7/8 xã, thị trấn và mức độ 02 (xã Bình Minh). tỉ lệ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 1383/1486 em, tỉ lệ 93,1%.

2.4. Giáo dục Trung học cơ sở

2.4.1. Phát triển quy mô số lượng

Tổng số 128 lớp trên 3890 học sinh, tỉ lệ 99,1% so kế hoạch, so cùng tăng 1 lớp, giảm 69 em; tuyển sinh vào lớp 6 tổng số 1507/1517, tỉ lệ 99,3%; so đầu năm học giảm 44 em, tỉ lệ 1.08%; giảm so cùng kỳ 0.42%.

2.4.2. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

Cử 11 cán bộ, giáo viên tập huấn giải toán trên máy tính cầm tay, 3 giáo viên tập huấn giáo dục pháp luật; cử 15 cán bộ quản lý và giáo viên tập huấn giảng dạy mô hình trường học mới lớp 7 THCS; cử 15 cán bộ quản lý và giáo viên tập huấn 3 module theo ba chuyên đề bồi dưỡng thường xuyên của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Tổ chức tập huấn bồi dưỡng thường xuyên chuyên đề mô hình trường học mới cho 276 cán bộ quản lý và giáo viên và tổ chức tập huấn bồi dưỡng thường xuyên hai module tổng số có 296 cán bộ quản lý và giáo viên dự; tổ chức tập huấn chuyển dữ liệu, cập nhật thông tin minh chứng và upload vào phần mềm kiểm định chất lượng cho 70 cán bộ quản lý và giáo viên dự.

Tổ chức Hội thi giải toán trên máy tính cầm tay casio cấp huyện, có 50 học sinh dự thi, kết quả có 15 học sinh đạt giải, tỉ lệ 30% (1 nhất, 2 nhì, 4 ba, 8 khuyến khích), chọn 7 học sinh dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt 3 (1 ba, 2 khuyến khích);

Tổ chức cuộc thi “Văn hay-Chữ tốt”, có 90 học sinh dự thi, kết quả 30 học sinh đạt, tỉ lệ 33%.

Tuyển chọn 4 sản phẩm khoa học kỹ thuật dự thi cấp tỉnh, kết quả có 1 sản phẩm đạt, tỉ lệ 25%;

Tổ chức thi song ngữ lần đầu tiên giải Toán - tiếng Anh, có 36 học sinh dự thi, kết quả có 3 học sinh đạt giải (1 nhất, 1 nhì, 1 ba), tỉ 8,3%, chọn 5 em dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt 2 em;

Tổ chức cuộc thi dạy học tích hợp liên môn đối với giáo viên và cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn, cuộc thi nghiên cứu khoa học, tổng số có 160 sản phẩm dự thi, kết quả đạt 83 giải (7 nhất, 15 giải nhì,

16 giải ba, 45 giải khuyến khích); chọn 12 sản phẩm dự thi cấp tỉnh, kết quả đạt 6 giải (1 giải Nhì, 2 giải Ba, 3 giải Khuyến khích).

Tổ chức thi học sinh giỏi THCS cấp huyện, có 223 học sinh dự thi/ 9 môn thi, kết quả có 69 học sinh đạt giải, tỉ lệ 37,1% (3 giải nhất, 6 giải nhì, 22 giải Ba và 38 giải khuyến khích), Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với 2 trường THPT chọn đội tuyển 30 học sinh bồi dưỡng dự thi cấp, kết quả 12/30 em đạt giải, tỉ lệ 40% (2 giải nhì, 1 giải ba và 9 giải Khuyến khích).

Tổ chức Hội thi Hùng biện Tiếng anh, có 18 đội dự thi, kết quả có 10 đội đạt giải (2 giải nhất, 2 giải nhì, 2 giải ba và 4 giải khuyến khích), Phòng Giáo dục và Đào tạo chọn 4 đội dự thi cấp tỉnh, kết quả có 1 đội đạt giải cấp tỉnh.

Kiện toàn hội đồng 11 bộ môn cấp huyện với 108 cán bộ quản lý và giáo viên làm thành viên. Nhiệm vụ cử tham gia các lớp tập huấn, triển khai đại trà cho giáo viên các môn trong toàn huyện, tham gia các hội thi đánh giá chất lượng từng bộ môn.

Việc đổi mới phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá học sinh; mở rộng tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở các cấp học phổ thông, nhất là cấp tiểu học. Hiệu quả cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học và dạy học thông qua di sản. Thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”.

Hoàn thiện và cấp phát 1121 bằng tốt nghiệp THCS năm học 2015-2016 của 12 hội đồng.

Kết quả rèn 2 mặt giáo dục học của 3890 em như sau:

+ Hạnh kiểm: Tốt 3151/3890 em, tỉ lệ 81,0%, tăng 1,1% so cùng kỳ; Khá 676/3890 em, tỉ lệ 17,4%, so cùng kỳ không thay đổi; Trung bình 62/3890 em, tỉ lệ 1,6%, giảm 16,1% so cùng kỳ; Yếu 1 em, tỉ lệ 0.00%, so cùng kỳ không thay đổi.

+ Học lực: Giỏi 1049 em, tỉ lệ 27,0% tăng 1.9% so cùng kỳ; Khá 1736 em, tỉ lệ 4,46%, tăng 1,1% so cùng kỳ; Trung bình 1079 em, tỉ lệ 27,7%, giảm 2,4% so cùng kỳ; Yếu 25 em, tỉ lệ 0,6%, giảm so cùng kỳ 0,6%; Kém 1 em, tỉ lệ không đánh kê.

+ Học sinh lên lớp thẳng 3864/3890 em, tỉ lệ 99,3%, tăng 1,2% so cùng kỳ; Học sinh thi lại 25, tỉ lệ 0,6%, giảm 0,6% so cùng kỳ; Lưu ban 01, so cùng kỳ không thay đổi.

Tham mưu UBND huyện thành lập 12 Hội đồng xét, công nhận tốt nghiệp THCS, kết quả có 1013 học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS trên 1015 dự xét tốt nghiệp, tỉ lệ 99,8%, không thay đổi so cùng kỳ, chia ra xếp loại Giỏi 230/1013, tỉ lệ 22,7%; xếp loại Khá 457/1013, tỉ lệ 45,1%; xếp loại Trung bình 326/1013, tỉ lệ 32,2%. Học sinh tốt nghiệp xếp loại Khá, Giỏi năm học này đạt cao và tăng so với cùng kỳ 12,2%.

3.2.3. Chỉ đạo 10 trên 10 trường THCS và TH&THCS hoàn thành công tác tự đánh giá, tiếp tục kiện toàn hồ sơ cho những năm học tiếp theo để nâng cao tỉ lệ đạt

được; Hoàn thành hồ sơ, đề nghị, được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài trường TH&THCS Phong Đông, đạt cấp độ 2. Nâng tổng số trường được đánh giá ngoài trường THCS lên 6/10 trường, tỉ lệ 60%.

Tính đến hết năm học 2016-2017, toàn huyện có 5/10 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, so cùng kỳ không tăng, trong đó trường THCS có 5/5 trường đạt chuẩn, tỉ lệ 100%.

3.2.4. Công tác phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.

Các xã, thị trấn tiếp tục duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tỷ lệ đạt chuẩn tăng và vững chắc, kết quả có 2 xã đạt chuẩn mức độ 2 (Thị trấn Vĩnh Thuận và xã Vĩnh Bình Bắc), còn lại 6 xã đạt chuẩn mức độ 1, toàn hoàn tỉ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS 2 hệ 4317/4860, tỉ lệ 88,83%

2.4.5. Kết quả thực hiện công tác giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống và văn hóa ứng xử trong nhà trường; giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe của học sinh, phòng, chống đuối nước, tai nạn thương tích trong học sinh; giáo dục bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục về chủ quyền biển, đảo, tiết kiệm năng lượng.

2.4.6. Kết quả phong trào xây dựng trường xanh, sạch, đẹp và an toàn; trường học thân thiện, học sinh tích cực; công tác giáo dục dân tộc, giáo dục hòa nhập, y tế trường học.

2.4.7. Thực hiện các chế độ, chính sách ưu đãi đối với học sinh diện chính sách xã hội, học sinh ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, quan tâm tạo cơ hội học tập cho học sinh khuyết tật.

2.6. *Giáo dục thường xuyên*

Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền. Ban quản lý trung tâm kịp thời kiện toàn để tổ chức hoạt động có hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

Các Trung tâm học tập cộng đồng xã, thị trấn chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội cấp cơ sở tuyên truyền trong cộng đồng về nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm, thông qua các buổi họp giao ban nắm được nhu cầu học tập và cần hỗ trợ kiến thức trong dân để điều chỉnh kế hoạch tập huấn, mở các lớp theo nhu cầu thực tế.

Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm “Hệ thống thông tin phổ cập giáo dục – chống mù chữ” và khai thác dữ liệu từ phần mềm để phục vụ công tác xóa mù chữ cho người lớn tuổi.

Huy động học viên các chương trình giáo dục của Trung tâm học tập cộng đồng: Số chuyên đề đã tổ chức 139 cuộc/5302 lượt người tham dự.

Kiểm tra, đánh giá và xếp loại: Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trung tâm tự đánh giá và tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá. Kết quả có 01/8 trung tâm xếp loại xuất sắc, 07/8 trung tâm xếp loại khá.

2.7. Công nghệ thông tin

Tổ chức cuộc thi dự địa chí Việt Nam, cấp tiểu học và THCS, có 138 sản phẩm dự thi, kết quả có 67/138 sản phẩm đạt, tỉ lệ 48,6%, chia ra: 5 giải A, tỉ lệ 7,5%; 9 giải B, tỉ lệ 13,4%; 53 giải C, tỉ lệ 79,1%.

Tổ chức 603 học sinh tiểu học và THCS thi qua mạng internet: Thi Tiếng Anh 164 em; thi Toán - Tiếng Anh 48 em; Vật lý THCS 45 em; thi Toán - Tiếng Việt 346 em. Kết quả có 213 em đạt giải, tỉ lệ 35,3%, chia ra: 6 giải Nhất, tỉ lệ ; 20 giải Nhì, tỉ lệ 2,8%; 51 giải Ba, tỉ lệ 23,9%; 136 giải Khuyến khích, tỉ lệ 63,8%.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và phong trào thi đua

3.1. Nhân sự: Toàn ngành có 1.137 (không tính 18 bảo vệ), tăng so cùng kỳ 29 nhân sự; Trong tổng số nữ 527, tỉ lệ 46.4%; Dân tộc 51, tỉ lệ 4.5%; Chia ra cán bộ quản lý 71, Giáo viên và Tổng phụ trách đội 948, nhân viên 118. Trình độ chuyên môn đào tạo từ chuẩn trở lên 1.130, tỉ lệ 99,4%; tăng 28, tỉ lệ 2.5%, trong đó trình độ trên chuẩn 856, tỉ lệ 75.3%, tăng 43, tỉ lệ 3.8%, chia ra:

Mầm non: Tổng số 129, chia ra: Cán bộ quản lý 13, nhân viên 21, giáo viên 95. Trình độ trên chuẩn 75, tỉ lệ 58.1%; chuẩn trở lên 127, tỉ lệ 98.4%; chưa chuẩn 02, tỉ lệ 1.5%.

Tiểu học: Tổng số 682, chia ra: Cán bộ quản lý 33, Nhân viên 45, Giáo viên và Tổng phụ trách đội 604. Trình độ trên chuẩn 551, tỉ lệ 80.8%; chuẩn trở lên 679, tỉ lệ 99,6%; chưa chuẩn 3, tỉ lệ 0,4%.

Trung học cơ sở: Tổng số 326, chia ra: Cán bộ quản lý 25, Nhân viên 52, Giáo viên và Tổng phụ trách Đội 249. Trình độ trên chuẩn 230, tỉ lệ 70.5%; đạt chuẩn trở lên 310, tỉ lệ 95.0%, chưa chuẩn 16, tỉ lệ 4.9%.

3.2. Sắp xếp đội ngũ:

Tham mưu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 9 cán bộ quản lý, thôi giữ chức vụ 3 cán bộ quản lý, đề nghị kỉ luật 1 cán bộ quản lý; Tham mưu UBND huyện công nhận kết quả thi tuyển viên chức, tổng số có 30 viên chức trúng tuyển, trong đó mầm non 14, tiểu học 07, THCS 09;

Tổ chức đánh giá công chức cơ quan Phòng Giáo dục và Đào tạo kết quả có 02 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 07 hoàn thành tốt nhiệm vụ, 01 hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực; phối hợp với trung tâm ngoại ngữ, tin học tỉnh tổ chức kiểm tra tiếng Anh trình độ B cho 392 người đăng ký học.

Hoàn thành hồ sơ nghị được UBND tỉnh Kiên Giang bổ nhiệm 1066 giáo viên vào chức danh nghề nghiệp trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, chia ra: 102 giáo viên mầm non, 671 giáo viên tiểu học, 293 giáo viên THCS.

3.3. Chế độ chính sách: Hoàn thành hồ sơ đề nghị và được nâng lương 422 người, phụ cấp thâm niên Nhà giáo 868 người. Đề nghị giải quyết nghỉ việc 9 người, nghỉ hưu 4 người, chuyển đi ngoài huyện 10 người. Thực hiện chế độ chính

sách cho viên chức nghỉ việc, chuyển công tác 552.245.889 đồng. Đề nghị tin giảm biên chế 6 người nghỉ hưu trước tuổi.

3.4. *Thi đua*: Triển khai đầy đủ các phong trào thi đua trong năm học, tổng hợp và đăng ký thi đua của các đơn vị trường học. Năm học 2016-2017 đề nghị và được khen thưởng 61 tập thể, 262 cá nhân các cấp tặng bằng khen và giấy khen.

4. Công tác kế hoạch, tài chính và tăng cường cơ sở vật chất

Tổng số hiện có 513 phòng, trong đó kiên cố tổng số 293 phòng, cấp 4 tổng số 220 phòng, chia ra: Mẫu giáo 69 phòng, Tiểu học 318 phòng, Trung học cơ sở 126 phòng.

Năm 2015 triển khai hoàn thành đúng tiến độ các công trình thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý, sửa chữa, nghiệm thu và đưa vào sử dụng 24 phòng học và xây dựng mới 6 phòng (TH Bình Minh), hoàn thành hồ sơ quyết toán các công trình. Trong năm 2015 giải ngân 99% vốn theo kế hoạch được bố trí. Hoàn thành danh mục hồ sơ bố trí xây dựng năm 2016.

Phân bổ ngân sách năm 2015, tổng số 111,832 triệu, chia ra: Mầm non 10,389 triệu, Tiểu học 80,520 triệu, THCS 20,923 triệu; Đầu tư xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất cho 8 trường mẫu giáo đạt chuẩn phổ cập giáo dục trẻ mầm non trẻ năm tuổi.

Phòng giáo dục chủ động phối hợp với các ban ngành chỉ đạo các đơn vị trường thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách miễn, giảm học phí, chi phí học tập, việc sử dụng và quản lý có hiệu quả các nguồn đầu tư cho giáo dục kết hợp với đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

Chỉ đạo thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản; tiến độ xây dựng trường mầm non, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; thực hiện Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020; công tác thiết bị trường học, thư viện trường học. Việc đầu tư xây dựng phòng học, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, cơ sở thực hành và thiết bị dạy học ở các cấp học.

5. Đánh giá chung

5.1. Ưu điểm

Với sự nỗ lực của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và toàn thể học sinh đã đạt được những kết quả đáng trân trọng. Đạt được nhiều mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong năm học 2016-2017.

Sở giáo dục và cấp Ủy, chính quyền địa phương đã chú ý nhiều hơn đến việc chỉ đạo, tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục đối với vùng sâu, vùng đồng bào có nhiều dân tộc khmer, công tác quản lý giáo dục các cấp tiếp tục được đổi mới môi trường pháp lý từ phòng đến các trường được hoàn chỉnh, việc xây dựng cơ chế, chính sách quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục được cải tiến; bộ máy tổ chức từng bước được kiện toàn cùng với việc quy định trách nhiệm từ phòng đến các đơn vị trường học đã giúp cho UBND các cấp quản lý tốt hơn về lĩnh vực giáo dục.

Công tác tin giản biên chế theo Nghị định 108/NĐ-CP được ngành thực hiện đúng kế hoạch; Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Nội vụ và tham mưu với UBND huyện tổ chức thi tuyển viên chức bổ sung giáo viên còn thiếu năm học 2016-2017, nhất là khối mầm non.

5.2. Nguyên nhân

Đạt được những kết quả trên là do sự nỗ lực phấn đấu tích cực, năng động, khắc phục mọi khó khăn của toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh; sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, sự phối hợp có hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể chính trị xã hội và sự ủng hộ, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của nhân dân.

5.3. Hạn chế và thiếu sót

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, tồn tại cần phải tiếp tục tập trung khắc phục như: Tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS có xã tỉ lệ có nâng lên, nhưng chưa cao, chưa bền vững; việc đổi mới nâng cao công tác quản lý giáo dục và phương pháp giảng dạy có tiến bộ nhưng chưa rõ nét. Kết quả đạt được các trường còn chênh lệch nhiều; mạng lưới trường lớp vẫn còn phân tán nhỏ lẻ, ảnh hưởng đến quản lý và dạy học, cơ sở vật chất, trang thiết bị tuy được đầu tư, sửa chữa nhưng chưa đáp ứng kịp nhu cầu đổi mới phương pháp dạy và thiết bị hư hỏng; trong quản lý có trường để mất đoàn kết nội bộ dẫn đến chất lượng không nâng lên được.

Công tác huy động trẻ đến trường tỉ lệ chưa cao, tỉ lệ giáo viên mầm non chưa đáp ứng đủ và kịp thời cho công tác huy động trẻ cũng như xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng; công tác thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch được Sở Giáo dục và Đào tạo duyệt thực hiện chưa kịp thời.

5.4. Nguyên nhân

Những thiếu sót trên có nguyên nhân khách quan do cơ sở hạ tầng còn thấp chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển giáo dục. Về chủ quan, vai trò lãnh đạo điều hành các đơn vị trường đôi lúc chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, lòng yêu nghề của một bộ phận cán bộ, giáo viên còn hạn chế; vai trò tham mưu với cấp ủy, chính quyền có lúc chưa kịp thời.

PHẦN THỨ HAI PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2017-2018

Tiếp tục triển khai, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nhất là tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 09/06/2014 của Chính phủ với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình khả thi, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020.

Tiếp tục triển khai, thực hiện Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục và Kế hoạch của các đơn vị trường học toàn ngành chú trọng phát triển quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”, thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp nhằm đổi mới và phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tập trung vào 4 nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo

Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, cuộc vận động và phong trào thi đua trong ngành. Cụ thể là cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" gắn kết với cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

Quản trịệt sâu sắc đội ngũ cán bộ quản lý từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, các điều kiện bảo đảm đủ thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động của các đơn vị và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học.

Trong quá trình đổi mới, chú ý kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, từng bước đi phù hợp.

2. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo

Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý giáo dục, chú ý hiệu quả cơ chế phân cấp quản lý giáo dục từ Phòng và các trường về công tác cán bộ, quản lý tài chính, tài sản theo quy định; chỉ đạo và thực hiện kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện Điều lệ các cấp học; triển khai thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính trong ngành, gắn với đẩy mạnh việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

Chú trọng bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo; tiếp tục đánh giá thật nghiêm túc chuẩn hiệu trưởng và chuẩn giáo viên; thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý, luân chuyển giáo viên cho phù hợp với điều kiện gia đình và tình hình của các đơn vị.

Phát huy thành quả công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp có hiệu quả với các ban ngành, đoàn thể chính trị xã hội và sự đồng thuận của nhân dân trong thực hiện mục tiêu chung. Tăng cường công tác kiểm tra để uốn nắn kịp thời những hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ các đơn vị trường.

Đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giáo dục; nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ của cơ sở giáo dục, đào tạo. Tăng cường

thanh tra quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, xử lý nghiêm các sai phạm và thông báo công khai trước công luận.

Tiếp tục đổi mới công tác thi đua-khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả, đúng luật định; tăng cường công tác truyền thông nhằm phát hiện các nhân tố mới, nhân tố điển hình để kịp thời khen thưởng và phổ biến, nhân rộng.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, trong đó tập trung rà soát, kiểm soát bộ thủ tục hành chính của Ngành.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2017-2018; xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và tốt nghiệp xét, công nhận tốt nghiệp THCS; huy động trẻ đến trường mầm non, tiểu học và tuyển sinh lớp 6 THCS và tuyển sinh năm học 2018-2019.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá; triển khai, thực hiện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học theo Kế hoạch số 07/KH-UBND, ngày 15/8/2011 về công nhận đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 2 trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận đến năm 2017; kết hợp với Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Chỉ thị 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị đề nghị kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập.

Tăng cường hoạt động tư vấn hướng nghiệp và dạy nghề cho học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục ở các cấp học.

4. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính

Triển khai và thực hiện tốt quy hoạch chi tiết mạng lưới trường, lớp các cấp học trên địa bàn huyện giai đoạn 2015-2020; củng cố và tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tự đánh giá, cuối năm học 100% trường phải hoàn thành tự đánh và đề nghị đánh giá ngoài các trường có đủ điều kiện.

Tiếp tục thực hiện đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục và đào tạo gắn với kế hoạch, giải pháp cụ thể, hợp lý. Tích cực phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện đổi mới cơ chế tài chính giáo dục, sử dụng và quản lý có hiệu quả các nguồn đầu tư cho giáo dục.

II. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm học 2017-2018, toàn ngành tập trung thực hiện những biện pháp chủ yếu như sau:

Tăng cường tham mưu với Cấp ủy, Chính quyền địa phương để có sự chỉ đạo kịp thời; chủ động phối hợp với các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội để thực hiện nhiệm vụ chính trị xã hội của ngành, tạo mối quan hệ giữa giáo viên với phụ huynh học sinh, giữa nhà trường với chính quyền địa phương.

Tăng cường công tác tuyên truyền ý thức chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của ngành. Phát huy tinh thần trách nhiệm,

lương tâm nghề nghiệp của cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên đối với ngành, với học sinh và với nhân dân. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục, phối kết hợp có hiệu quả với ban ngành, đoàn thể, chính trị xã hội nhằm khắc phục học sinh bỏ học sau tết Nguyên Đán tỉ lệ thấp nhất.

Chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện nội dung chương trình, đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường các hoạt động chuyên môn; đổi mới có chiều sâu về dạy và học. Phát huy hơn nữa về nghiên cứu, tìm tòi, kích thích sự hứng thú và say mê học tập của học sinh.

Thực hiện có hiệu quả hơn nữa công tác đổi mới việc ra đề kiểm tra, thi và đánh giá đúng thực chất, bồi dưỡng giúp học sinh yếu, kém đạt chuẩn kiến thức.

Đổi mới công tác quản lý để đáp ứng yêu cầu của xã hội và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch nhất là thanh tra đột xuất về công tác quản lý và hoạt động chuyên môn để đạt kế hoạch được duyệt.

Tuyên truyền các cuộc vận động lớn trong ngành. Xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, nhất trí và phấn hoàn thành tốt nhiệm vụ; Thực hiện có hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng đúng thực chất hơn, những đơn vị, cá nhân được khen thưởng phải có thành tích nổi bật và toàn diện.

Sự quan tâm của Cấp ủy, Chính quyền, sự phối hợp của các cấp, các ngành, các đoàn thể, các địa phương và với nỗ lực phấn đấu của toàn ngành thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ năm học, tạo tiền đề đáp ứng tốt hơn yêu cầu hình thành lớp thanh niên có năng lực công dân mới, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng và góp phần bồi dưỡng nhân tài cho đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Kiên Giang;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực UBND huyện;
- Ông Phạm Văn Hậu PCT.UBND huyện;
- Ban Tuyên Giáo Huyện;
- Ban Dân Vận Huyện;
- Hội khuyến học huyện;
- Các xã, thị trấn trong huyện;
- 33 đơn vị trường trực thuộc;
- THPT Vĩnh Bình Bắc và THPT Vĩnh Phong;
- Lưu: VT, Phong.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Ngô Thị Ngọc Hạnh

Biểu số 8 -MN-C

Ban hành theo Quyết định

Số: 5363/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2013

Sửa Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

Ngày nhận báo cáo: 20/05/2017

BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC MẦM NON

Cuối năm học: 2016-2017

Đơn vị báo cáo: PHÒNG GD&ĐT VĨNH THUẬN

Đơn vị nhận báo cáo: SỞ GD&ĐT KIÊN GIANG

		Đơn vị	Tổng số	Chia ra		
				Công lập	Dân lập	Tư thực
1. Trường		Trường	8	8		
Chia ra	Nhà trẻ	nhà	0	0		
	Trường mẫu giáo	trường	8	8		
	Trường mầm non	trường	0	0		
Nhóm trẻ độc lập (1)		Cơ sở				
Lớp mẫu giáo độc lập(1)		Cơ sở	0	0		
2. Nhóm, lớp (tổng số)		Nhóm, lớp	75	75		
Trong tổng số	Nhóm trẻ trong trường	Nhóm				
	Nhóm trẻ ghép (2)	"	0	0		
	Lớp Mẫu giáo trong trường	Lớp	75	75		
	Lớp mẫu giáo 5 tuổi	"	43	43		
	Lớp mẫu giáo ghép 2 độ tuổi		11	11		
	Lớp mẫu giáo ghép 3 độ tuổi	"	0	0		
3. Trẻ em		Người		x		
Trong tổng số	a. Trẻ em (0-2 tuổi) (điều tra hằng năm)	"	1.979	x	x	x
	b. Trẻ em nhà trẻ đến trường, lớp	"	0	0		
	c. Trẻ em 3-5 tuổi (điều tra hằng năm)	"	3.824	x	x	x
	d. Trẻ em mẫu giáo đến trường, lớp	"	2.119	2.119		
	e. Trẻ 5 tuổi (điều tra hằng năm)	"	1.313	x	x	x
	g. Trẻ em MG 5-6 tuổi đến trường, lớp	"	1.354	1.354		
4. Chất lượng chăm sóc trẻ em						
a. Kiểm tra sức khoẻ định kỳ: Trẻ nhà trẻ		"	0	0		
Trẻ mẫu giáo		"	2.145	2.145		
b. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng: Trẻ nhà trẻ		"	0	0		
Trẻ mẫu giáo		"	2.145	2.145		
c. Trẻ em suy DD thể nhẹ cân (vừa và nặng):		"	9	9		
Trẻ nhà trẻ		"				
Trẻ mẫu giáo		"	10	10		

d. Trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (độ 1,2):		"	8	8		
Trẻ nhà trẻ		"				
Trẻ mẫu giáo		"	9	9		
		Đơn vị	Tổng số	Chia ra		
				Công lập	Dân lập	Tư thực
5. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên		Người	128	128		
Trong T.số: - Biên chế		"	128	128	x	x
Chia ra	a. Hiệu trưởng (1)	"	8	8		
	Trong T.số: - Biên chế	"	8	8	x	x
	- Dân tộc	"				
	b. Phó Hiệu trưởng (1)	"	8	8		
	Trong T.số: - Biên chế	"	8	8	x	x
	- Dân tộc	"				
	c. Giáo viên nhà trẻ (tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên)	"	0	0		
	Trong T.số: - Biên chế	"	0	0	x	x
	- Dân tộc	"				
	d. Giáo viên mẫu giáo (tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên)	"	97	97		
	Trong T.số: - Biên chế	"	97	97	x	x
	- Dân tộc	"	12	12		
	e. Nhân viên (2)	"	15	15		
	Trong T.số: - Biên chế	"	15	15	x	x
- Dân tộc	"	0	0			

Biểu số 9-TH-C**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Ban hành theo Quyết định
số: 5363/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2013
của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

Cuối năm học: 2016-2017

Loại hình (1): Công lập

Ngày nhận báo cáo: 25/5 năm báo cáo

Đơn vị báo cáo: Phòng GD&ĐT

Đơn vị nhận báo cáo: SỞ GD&ĐT Kiên Giang

		Đơn vị	Tổng số	Chia ra				
				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1. Trường		Trường	15	x	x	x	x	x
Trong tổng số	Đạt chuẩn quốc gia	Trường	12	x	x	x	x	x
	Phổ biến cho CMHS về các CTGD phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	Trường	1	x	x	x	x	x
2. Lớp		Lớp	388	78	83	82	71	74
3. Học sinh		Người	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Trong tổng số	- Nữ	"	3955	696	870	834	781	774
	- Dân tộc	"	689	155	154	139	118	123
	- Nữ dân tộc	"	340	71	67	72	68	62
	- Khuyết tật học hòa nhập	"	29	12	7	3	4	3
	- Học chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT về sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS dựa trên kỹ năng sống	"	860	125	191	192	172	180
- Số học sinh chuyển đi trong năm học	"	165	61	27	23	22	32	
- Số học sinh chuyển đến trong năm học	"	80	30	21	12	8	9	
- Số trẻ em ngoài nhà trường (*)		25	4	8	3	4	6	
Tổng hợp kết quả cuối năm			8299	1420	1808	1802	1610	1659
- Số học sinh lên lớp	"	8186	1361	1783	1786	1602	1654	
- Số học sinh lưu ban	"	24	14	3	5	2	0	
- Số học sinh thi lại	"	89	45	22	11	6	5	
4. Giáo viên (tính cả hợp đồng)		Người	618	x	x	x	x	x
Tổng số GV và nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	"	618	x	x	x	x	x	
Trong đó : Số nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	"	11	x	x	x	x	x	

**Biểu số 13-TH-CL
HQC****BÁO CÁO THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG HỌC SINH TIỂU**

Ban hành theo Quyết định

Cuối năm học: 2015 - 2016

Số: 5363/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2013

Loại hình(1): Quốc lập

Của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

(Có đến 31 tháng 5 năm báo cáo)

Ngày nhận báo cáo: 15/5/2017

Đơn vị báo cáo: Sở GD&ĐT Kiên Giang

Đơn vị nhận báo cáo : Bộ GD&ĐT, Cục TK

	Tổng số	Chia ra				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I. Tổng số HS xếp loại cuối năm	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành chương trình lớp học	8186	1361	1783	1786	1602	1654
- Chưa hoàn thành chương trình lớp học	113	59	25	16	8	5
- Khen thưởng	3524	713	800	679	640	692
II. Tổng số HS xếp loại môn học						
1. Toán	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	4432	905	1054	881	753	839
- Hoàn thành	3760	472	742	910	849	787
- Chưa hoàn thành	77	43	12	11	8	3
2. Tiếng Việt	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	4236	814	900	873	747	902
- Hoàn thành	3963	551	885	918	857	752
- Chưa hoàn thành	100	55	23	11	6	5
3. Khoa học	3269	x	x	x	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1873	x	x	x	890	983
- Hoàn thành	1395	x	x	x	719	676
- Chưa hoàn thành	1	x	x	x	1	0
4. Lịch sử & Địa lý	3269	x	x	x	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1817	x	x	x	838	979
- Hoàn thành	1449	x	x	x	769	680
- Chưa hoàn thành	3	x	x	x	3	0
5. Ngoại ngữ	4005	0	0	1353	1347	1305
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1668	0	0	574	544	550
- Hoàn thành	2345	0	0	787	803	755
- Chưa hoàn thành	3	0	0	2	1	0
6. Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0
Chia ra: - Hoàn thành tốt	0	0	0	0	0	0
- Hoàn thành	0	0	0	0	0	0
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0

7. Tin học	3082	118	175	788	993	1008
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1430	44	91	330	464	501
- Hoàn thành	1606	30	83	458	528	507
- Chưa hoàn thành	2	0	1	0	1	0
8. Đạo đức	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	4422	767	984	966	817	888
- Hoàn thành	3868	645	823	836	793	771
- Chưa hoàn thành	9	8	1	0	0	0
9. Tự nhiên và Xã hội	5030	1420	1808	1802		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	2672	741	979	952		
- Hoàn thành	2341	664	827	850		
- Chưa hoàn thành	15	13	2	0		
10. Âm nhạc	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	3518	657	829	693	658	681
- Hoàn thành	4774	756	979	1109	952	978
- Chưa hoàn thành	7	7	0	0	0	0
11. Mĩ thuật	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	3637	692	838	719	659	729
- Hoàn thành	4651	727	960	1083	951	930
- Chưa hoàn thành	1	1	0	0	0	0
12. Thủ công	5030	1420	1808	1802		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	2510	715	938	857		
- Hoàn thành	2508	693	870	945		
- Chưa hoàn thành	12	12	0	0		
13. Kỹ thuật	3269				1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	1655				793	862
- Hoàn thành	1613				817	796
- Chưa hoàn thành	1				0	1
14. Thể dục	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Hoàn thành tốt	3614	659	874	728	633	720
- Hoàn thành	4677	754	934	1074	976	939
- Chưa hoàn thành	8	7	0	0	1	0
III. Xếp loại năng lực						
1. Năng lực 1	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4611	797	1038	947	869	960
- Đạt	3639	593	761	848	740	697
- Cần cố gắng	49	30	9	7	1	2
2. Năng lực 2	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4528	804	1004	938	828	954
- Đạt	3722	585	795	859	780	703

- Cần cố gắng	49	31	9	5	2	2
3. Năng lực 3	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4412	777	1002	918	798	917
- Đạt	3838	610	795	877	809	747
- Cần cố gắng	59	33	11	7	3	5
IV. Xếp loại phẩm chất						
1. Phẩm chất 1	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4792	811	1059	1003	884	1035
- Đạt	3474	588	745	797	724	620
- Cần cố gắng	33	21	4	2	2	4
2. Phẩm chất 2	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	4787	802	1081	1006	880	1018
- Đạt	3505	600	721	793	751	640
- Cần cố gắng	29	18	6	3	1	1
3. Phẩm chất 3	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	5052	856	1078	1072	946	1100
- Đạt	3231	548	724	728	673	558
- Cần cố gắng	26	16	6	2	1	1
4. Phẩm chất 4	8299	1420	1808	1802	1610	1659
Chia ra: - Tốt	5322	875	1142	1123	1001	1181
- Đạt	2983	531	661	677	632	482
- Cần cố gắng	18	11	3	2	1	1

Biểu số 17-TH-TN**THỐNG KÊ HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC**

Ban hành theo Quyết định

Năm học: 2016-2017

Số: 5363/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2013

Loại hình(1): Công lập

Của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

Ngày nhận báo cáo: 25/5/2017

Đơn vị báo cáo: Phòng GDĐT Vĩnh Thuận

Đơn vị nhận báo cáo: SỞ GDĐT KIÊN GIANG

		Tổng số	Trong tổng số		
			Nữ	Dân tộc	
				Tổng số	Nữ
Tổng số học sinh lớp 5		1659	774	123	62
Trong đó	+ Khuyết tật học hòa nhập	3	1	0	
	+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ	3	0	0	
	+ Có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định	201	79	34	13
Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học		1654	773	121	62
Trong đó	+ Khuyết tật học hòa nhập	3	1	0	
	+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ	3	0	0	0
	+ Có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định	201	79	34	13
Số HS được công nhận HTCT Tiểu học chia theo độ tuổi	10 tuổi	0	0	0	0
	11 tuổi	1440	681	89	49
	12 tuổi	159	67	22	9
	13 tuổi	45	20	9	3
	14 tuổi trở lên	10	5	1	1

Biểu số 14-THCS-CL BÁO CÁO THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG HỌC SINH THCS

Ban hành theo Quyết định

Cuối năm học: 2016-2017

Số: 5363/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2013

Loại hình(1): Công lập

của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

Ngày nhận báo cáo: 15/5/2017

Đơn vị báo cáo: PHÒNG GD&ĐT VĨNH THUẬN

Đơn vị nhận báo cáo: SỞ GD&ĐT VĨNH THUẬN

I. Tổng số học sinh xếp loại hạnh kiểm		Tổng số	Chia ra			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		3890	1116	1079	889	806
Chia ra	Tốt	3151	922	874	679	676
	Trong đó: - Nữ	1734	482	488	399	365
	- Dân tộc	309	145	66	51	47
	- Nữ dân tộc	142	48	35	33	26
	Khá	676	180	190	184	122
	Trong đó: - Nữ	150	31	53	33	33
	- Dân tộc	64	12	24	15	13
	- Nữ dân tộc	15	2	5	3	5
	Trung bình	62	14	14	26	8
	Trong đó: - Nữ	15	2	1	12	0
	- Dân tộc	5	1	0	3	1
	- Nữ dân tộc	0	0	0	0	0
	Yếu	1	0	1	0	0
	Trong đó: - Nữ	0	0	0	0	0
	- Dân tộc	0	0	0	0	0
- Nữ dân tộc	0	0	0	0	0	
II. Tổng số học sinh xếp loại học lực		3890	1116	1079	889	806
Chia ra	Giỏi	1049	319	303	225	202
	Trong đó: - Nữ	696	220	202	144	130
	- Dân tộc	75	28	20	16	11
	- Nữ dân tộc	47	21	11	8	7
	Khá	1736	483	468	402	383
	Trong đó: - Nữ	923	221	260	237	205
	- Dân tộc	126	28	36	30	32
	- Nữ dân tộc	78	19	20	22	17
	Trung bình	1079	306	299	253	221
	Trong đó: - Nữ	274	73	77	61	63
	- Dân tộc	104	32	32	22	18
	- Nữ dân tộc	31	10	8	6	7
	Yếu	25	8	8	9	0
	Trong đó: - Nữ	6	1	3	2	0
	- Dân tộc	3	0	2	1	0
	- Nữ dân tộc	1	0	1	0	0
	Kém	1	0	1	0	0

	Trong đó: - Nữ	0	0	0	0	0
	- Dân tộc	0	0	0	0	0
	- Nữ dân tộc	0	0	0	0	0
III. Số học sinh không xếp loại		0	0	0	0	0

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ
XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ
Năm học 2016-2017**

Số TT	Trường THCS	Tổng số dự xét tốt nghiệp	Được công nhận tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp			Trong đó tốt nghiệp				
			Tổng số	Tỷ lệ (%)	Giỏi	Khá	Trung bình	Nữ	Dân tộc thiểu số	Nữ dân tộc	Do hưởng diện ưu tiên, KK	Đã học hết THCS những năm trước
1	TH&THCS Phong Đông	53	53	100,0%	17	29	7	23	10	2		
2	TH&THCS Tân Thuận 1	28	28	100,0%	7	14	7	11	1			
3	TH&THCS Vĩnh Bình Bắc	60	60	100,0%	3	32	25	30	4	2		
4	TH&THCS Vĩnh Bình Nam	31	31	100,0%	6	11	14	13				
5	TH&THCS TT. Vĩnh Thuận	38	38	100,0%	11	23	4	18	3	1		
6	THCS Tân Thuận 2	78	78	100,0%	5	31	42	41	11	7		
7	THCS Thị Trấn	202	202	100,0%	62	80	60	125	14	9		
8	THCS Vĩnh Bình Nam 1	112	112	100,0%	30	56	26	49	12	7		
9	THCS Vĩnh Phong 2	96	96	100,0%	28	49	19	50	0	0		
10	THCS Vĩnh Thuận	108	108	100,0%	33	56	19	40	2			
11	THPT Vĩnh Phong	120	120	100,0%	20	56	44	61	3	3		
12	THPT Vĩnh Bình Bắc	89	87	97,8%	8	20	59	52	13	8	3	
Cộng chung		1015	1013	99,8%	230	457	326	513	73	39	3	0

Biểu số 10 -THCS-C**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ**

Ban hành theo Quyết định

Cuối năm học: 2016-2017

số: 5363/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2013

Loại hình(1): Quốc lập

của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

Ngày nhận báo cáo: 20/5/2015

Đơn vị báo cáo: PHÒNG GDĐT VĨNH THUẬN

Đơn vị nhận báo cáo: Sở GDĐT Kiên

Giang

		Đơn vị	Tổng số	Chia ra			
				Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1. Trường			10	x	x	x	x
1.1 Trường trung học cơ sở		trường	6	x	x	x	x
Trong tổng số	Đạt chuẩn quốc gia	Trường	5	x	x	x	x
	Phổ biến cho CMHS về các CTGD phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	Trường	6	x	x	x	x
1.1 Trường phổ thông cơ sở (cấp 1+2)		"	4	x	x	x	x
Trong tổng số	Đạt chuẩn quốc gia	Trường		x	x	x	x
	Phổ biến cho CMHS về các CTGD phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.	Trường	4	x	x	x	x
2. Lớp		lớp	128	35	35	30	28
3. Học sinh		Học sinh	3890	1116	1079	889	806
Trong tổng số	- Nữ	"	1900	515	542	444	399
	- Dân tộc	"	308	88	90	70	60
	- Nữ dân tộc	"	156	50	39	37	30
	- Khuyết tật học hòa nhập	"	2	0	1	0	1
	- Học chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT về sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS dựa trên kỹ năng sống	"	3890	1116	1079	889	806
- Số học sinh chuyển đi trong năm học	"	138	32	37	39	30	
- Số học sinh chuyển đến trong năm học	"	5	0	3	1	1	
- Số trẻ em ngoài nhà trường(*)		0	0	0	0	0	
Tổng hợp kết quả cuối năm			3890	1116	1079	889	806
- Số học sinh lên lớp	"	3864	1108	1070	880	806	
- Số học sinh lưu ban	"	1	0	1	0	0	
- Số học sinh thi lại	"	25	8	8	9	0	
4. Giáo viên (tính cả hợp đồng từ 1 năm trở lên)		người	240	x	x	x	x
Tổng số GV và nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.		"	256	x	x	x	x
Trong đó : Số nhân viên được tập huấn và tham gia giảng dạy về phòng, chống HIV trên nền tảng kỹ năng sống và giáo dục sức khỏe sinh sản.		"	34	x	x	x	x

	Đơn vị	Tổng số	Trong tổng số			
--	--------	---------	---------------	--	--	--

			Nữ	Dân tộc			
				Tổng số	Nữ		
Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi			140	79	7	2	0
Chia ra:	- Cấp quận/huyện	"	123	71	7	3	0
	- Cấp tỉnh/thành phố	"	16	8	0	0	0